TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 481/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 03/06/2019
V/v : "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Mỹ Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân : 1/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng
2/- Bà Nguyễn Thị Xuyến

Thư ký phiên tòa : Bà Trần Nguyễn Gia Phước – Thư ký Tòa án nhân dân Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện VKSND Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Bà Bùi Thị Bích Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 06 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/05/2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ông Trần Đ, sinh năm 1988.
Địa chỉ : Xã X, Huyện Y, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Đường M, P.N, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Đ trình bày: Ông tự nguyện đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị M tại Ủy ban nhân dân N, Quận 3 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01 cấp ngày 14/07/2015, quá trình chung sống cả hai chưa có con chung. Thời gian đầu cuộc sống chung đã không có hạnh phúc đến năm 2018 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cộng thêm sự chênh lệch về tuổi tác nên hai bên không có tiếng nói chung thường hay gây gổ cãi vả hai bên không thể tự thương lượng hàn gắn được . Cụ thể là do bà M không thể sinh con , đồng thời cuộc sống hai bên có sự chênh lệch tuổi tác nên khi về sống chung không thể hợp trong chuyện chăn gối , trong sinh

hoạt hằng ngày và giao tiếp ngoài xã hội . Việc bà M không đến tòa án theo ông là do bà M đạo Công giáo chứ không có ý định hàn gắn vợ chồng với ông . Cụ thể, từ đầu năm 2018 đến nay hai bên đã tách rời cuộc sống chung, kể từ đó đến nay mạnh ai nấy sống bà M cũng không quan tâm và có thiện chí hàn gắn việc gia đình. Nay nhận thấy tình cảm cảm không còn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung : Không có.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà và ông Trần Đ tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn ngày 14/07/2015 tại Ủy ban nhân dân P.N, Quận 3, TP.HCM. Quá trình chung sống cả hai chưa có con chung. Cuộc sống chung của vợ chồng vẫn bình thường không có xảy ra mâu thuẫn gì. Nay ý kiến của bà M là ông Đ muốn ly hôn thì cứ đơn phương ly hôn, bà không có ý kiến.

Về con chung : Không có.

Về tài sản chung : Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay :

- Nguyên đơn ông Trần Đ vẫn giữ yêu cầu ly hôn bà M vì xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm đối với nhau không còn.

-Về con chung: Không có

- Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M : Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử bà M không có ý kiến vì bà là người theo Đạo Công giáo nên không thể đồng ý ly hôn.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến :

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng qui định.Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền :

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 64 , quyển số 01 cấp ngày 14/07/2015. do Ủy Ban Nhân Dân Phường N, Quận 3, TP.HCM cấp thì ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị M có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà M tại thời điểm thụ lý có địa chỉ cư trú tại Quận 3.

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét yêu cầu ly hôn của ông Trần Đ thuộc tranh chấp

hôn nhân gia đình về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Xét bà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy :

Ông Đ yêu cầu ly hôn vì giữa ông và bà M sống chung không có hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Nguyên nhân do chênh lệch tuổi tác, dẫn đến bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn, cải vã dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai bên đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống , không quan tâm chăm sóc và trách nhiệm đối với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể duy trì cuộc sống chung .

Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ,chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được .

Nhận thấy các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Đ và bà M, cho thấy giữa ông Đ và bà M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn , đến nay cũng không có những biện pháp giải quyết các bất đồng , sống không có trách nhiệm và quan tâm chăm sóc nhau, không thể hiện hạnh phúc gia đình, không còn quan tâm đến nhau.

Như vậy, hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ,chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

Từ những nhận định trên , xét yêu cầu ly hôn của ông Đ đối với bà M là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung : Không có

Về tài sản chung : Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự .

Căn cứ điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về

án phí, lệ phí Tòa án và Khoản 1 Mục II của Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án .

Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. *Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn* ông Trần Đ.

- *Về quan hệ vợ chồng*: Ông Trần Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

- *Về con chung:* Không có.

- *Về tài sản:* Không yêu cầu giải quyết về tài sản.

2. *Về án phí:* Ông Trần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021711 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Ông Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3*. Về quyền kháng cáo* ***:***

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :
- *TAND Tp. Hồ Chí Minh;*
- *VKSND Quận 3;*
- *Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3;*
- *UBND P.N, Q.3,Tp.HCM..*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Ngọc